

Bản án số: 188/2018/HC-PT
Ngày 06/11/2018
*V/v " Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Nguyễn Văn Tào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 214/2018/TLPT-HC ngày 28 tháng 8 năm 2018 về “*khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2018/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214A/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Bà **Phan Thị H**; trú tại địa chỉ: Số nhà 57 đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Hồ Thị B**, sinh năm 1953; trú tại địa chỉ: Số nhà 59 đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền số 983 ngày 31/7/2018).

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Đ**, chức vụ Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình T**, chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk (*theo văn bản ủy quyền số 113/UQ-UBND ngày 22/12/2017*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông **Nguyễn Văn Đ**, chức vụ Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E; địa chỉ: Số 88A L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông **Trần Văn L**, chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

(*Theo các văn bản số 975/UBND-TNMT ngày 22/12/2017 và văn bản số 401/UBND-CNTTPTQĐ ngày 28/5/2018*).

3. Người làm chứng:

- Bà **Nguyễn Thị D**; trú tại địa chỉ: Số 62 đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà **Nguyễn Thị Thanh H1**; trú tại địa chỉ: Số 72 đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà **Nguyễn Trần Huyền T**; trú tại địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà **Nguyễn Thị P**; trú tại địa chỉ: Số 55 đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Bà Phan Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Người khởi kiện - bà Phan Thị H và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - bà Hồ Thị B trình bày:*

Ngày 30/6/1990, bà Phan Thị H (*chồng bà H đã mất*) có mua mảnh đất thổ cư của ông Vũ D (*ông D đã chết*) nay là số nhà 57 đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với diện tích khoảng 400 m². Đến năm 2009, UBND huyện E tiến hành đo thửa đất này và xác định cũng có diện tích khoảng 400 m², nhưng không có tứ cận, mốc giới cụ thể. Khi mua đất của ông D thì con đường phía trước nhà bà H rất nhỏ. Sau đó, gia đình bà H xây dựng công trình, nhà ở ổn định từ đó đến nay và không có tranh chấp với ai. Toàn bộ diện tích đất này đến nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2009 - 2010, UBND huyện E thực hiện dự án xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nên đã lấy đất của gia đình bà H có chiều rộng 17 m (*mặt đường A*) và chiều sâu 9,25 m = 157,25 m² nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi

thường như các hộ dân khác.

Vào thời điểm năm 2016, khi hộ dân lân cận đi nhận tiền bồi thường đất thì gia đình bà H mới biết UBND huyện E lấy đất của gia đình mình để làm công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E nhưng không được bồi thường. Khoảng cuối năm 2016, gia đình bà có làm đơn khiếu nại đến UBND huyện E nhưng UBND huyện E chỉ có công văn trả lời cho gia đình bà cho rằng không đủ điều kiện bồi thường.

Nay, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, buộc UBND huyện E ban hành Quyết định thu hồi đất và ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với phần đất xây dựng công trình đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk của gia đình bà H. Cụ thể, có chiều ngang mặt đường A 17 m x chiều sâu $9,25\text{ m} = 157,25\text{ m}^2$.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện E thì ông Nguyễn Đình Toàn trình bày thể hiện:*

Việc bà Phan Thị H yêu cầu UBND huyện E ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với phần đất xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk của gia đình bà vì cho rằng UBND huyện E đã lấy đất của gia đình bà để làm đường A là không có cơ sở pháp lý. Bởi lẽ, trên cơ sở Quyết định số 429/QĐ- UBND ngày 25/02/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thì UBND huyện đã giao các cơ quan chức năng thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thi công công trình theo đúng quy định của pháp luật. Khi Nhà nước thi công đường A - L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đoạn đường qua nhà bà Phan Thị H chỉ thi công trên nền đường cũ đã có từ trước, nên không có việc thu hồi đất của hộ bà Phan Thị H.

Đồng thời, tại báo cáo số 09/BC-CNTTPTQĐ ngày 15/3/2017 và báo cáo số 13/BC-CNPTQĐ ngày 23/4/2018 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đã xác định rõ: Tại thời điểm có chủ trương thu hồi đất để xây dựng đường L - A, đã công khai rộng rãi trên địa bàn thị trấn E nhưng không nhận được ý kiến của hộ gia đình bà H về diện tích thu hồi để làm đường. Khi thi công đường L - A đơn vị thi công làm trên nền đường cũ, không có cây cối, nhà cửa, vật kiến trúc hộ gia đình bà Phan Thị H.

Tại Thông báo số 194/TB-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện E xác

định đơn khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết, vì hộ bà Phan Thị H không có tên trong Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 của UBND huyện E về việc phê duyệt Phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - L và danh sách chi tiết các hộ bồi thường, hỗ trợ công trình đường A - L, thị trấn E. Do đó, UBND huyện E không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

** Tại các bản tự khai ngày 16/4/2018, 21/4/2018 và ngày 23/4/2018 người làm chứng bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Thị P trình bày:*

Nguồn gốc đất mà bà H đang sử dụng là do gia đình bà H mua của ông D (đã chết) từ năm 1990. Gia đình bà H sinh sống từ năm 1990 cho đến nay không tranh chấp với ai.

** Tại bản tự khai ngày 23/4/2018 người làm chứng là bà Nguyễn Trần Huyền T trình bày:*

Vào ngày 30/6/1990, chồng tôi là ông Vũ D (đã chết) có bán cho bà Phan Thị H một mảnh đất khoảng 400 m², nhưng trong giấy sang nhượng đất không ghi vị trí, tứ cận cụ thể. Sau đó, do gia đình bà Trang chưa làm xong nhà ở địa điểm khác nên gia đình bà Trang có ở lại trên mảnh đất này với diện tích khoảng 200 m² trong số diện tích đất đã bán cho bà H. Khoảng 03 tháng sau khi làm xong nhà thì gia đình bà chuyển đi và trả lại toàn bộ đất cho gia đình bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2018/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của bà Phan Thị H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định thu hồi và ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất xây dựng công trình đường A – L của gia đình bà có diện tích 157,25 m², với chiều sâu 9,25 m, chiều rộng 17 m.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2018, bà Phan Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 26/2018/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Thị H và người đại diện theo ủy quyền cho bà H vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

+ *Về tố tụng*: Kháng cáo của bà Phan Thị H là trong thời hạn luật định, do vậy hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

+ *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của bà Phan Thị H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm ngày 06/11/2018, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người làm chứng vắng mặt. Vì đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người làm chứng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Thị H:

Diện tích đất bà Phan Thị H đang sử dụng là do nhận chuyển nhượng từ ông Vũ D theo Giấy nhượng đất ngày 30/6/1990 khoảng 400 m². Theo Giấy nhượng đất do bà H cung cấp không rõ nội dung do bị mờ, nhòe thì không thể hiện tứ cận, vị trí đất, mốc giới, ranh giới đất và không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (BL-13). Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà H tại biên bản đối thoại ngày 06/6/2018 và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 20/7/2018; cũng như giấy xác nhận ngày 04/01/2018, tại bản tự khai ngày 23/4/2018 của bà Nguyễn Trần Huyền T là vợ ông Vũ D đều thể hiện: Ông Vũ D nhượng cho bà Phan Thị H khoảng 400 m² đất (BL- 50, 55, 84, 85, 99, 100). Diện tích đất bà H nhận chuyển nhượng của ông D chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 25/02/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 429/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng, nâng cấp đường A - L tại thị trấn E, huyện E và được thông báo công khai tại Thông báo số 22/TB-UBND ngày 25/10/2009 “*về việc không lấn chiếm, coi nơi và làm mới các công trình vào phạm vi giải tỏa để làm đường L và đường A, thị trấn E*” (BL- 37, 102).

Đồng thời, tại các Quyết định số 2365/QĐ-UBND và Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 đã tiến hành thu hồi đất của 49 hộ gia đình, cá nhân để xây dựng công trình đường A - L tại thị trấn E, huyện E. Và phê duyệt phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi tại Quyết định số

1376/QĐ-UBND ngày 26/7/2012, kèm theo danh sách thì không có tên hộ bà Phan Thị H.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2018 thể hiện: “... tổng diện tích nhà bà H đang quản lý sử dụng là $19m \times 17m = 323 m^2$. Hiện nay diện tích đất nhà bà Phan Thị H chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...” (BL- 76, 77).

Như vậy, so với diện tích đất bà Phan Thị H nhận chuyển nhượng từ ông Vũ D khoảng $400 m^2$, với diện tích đất qua xem xét, thẩm định tại chỗ hiện nay bà H đang sử dụng thì có sự chênh lệch khoảng $77 m^2$. Trong khi bà Phan Thị H khởi kiện cho rằng bà bị lấn chiếm mất $157, 25 m^2$ ($9,25m \times 17m$) do quá trình xây dựng, nâng cấp mở rộng đường A - L là có sự mâu thuẫn về diện tích đất giữa yêu cầu của bà H với diện tích đất qua xem xét, thẩm định tại chỗ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa, bà H cũng không chứng minh được diện tích đất thực tế bà nhận chuyển nhượng từ ông Vũ D là bao nhiêu để làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của mình. Theo danh sách 49 hộ có đất bị thu hồi và được bồi thường, hỗ trợ thì không có hộ bà Phan Thị H (BL-39-45). Đồng thời, tại các phiên tòa bà Phan Thị H đều khẳng định quá trình làm đường bà không có tài sản, cây cối trên đất bị giải tỏa. Các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân huyện E đã công khai làm đúng và đầy đủ các thủ tục về chủ trương xây dựng, nâng cấp mở rộng đường A - L; cũng như việc thu hồi, bồi thường cho những hộ có đất bị giải tỏa và không nhận được phản hồi, khiến nại của bà Phan Thị H về việc bà bị giải tỏa đất khi thực hiện chủ trương này. Do vậy, kháng cáo của bà Phan Thị H là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2018/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử và quyết định là đúng pháp luật. Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Phan Thị H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Bà Phan Thị H phải chịu án hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Bác đơn kháng cáo của bà Phan Thị H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2018/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Căn cứ vào khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Phan Thị H về việc yêu cầu Ủy ban

nhân dân huyện E ban hành Quyết định thu hồi và ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất xây dựng công trình đường A – L của gia đình bà có diện tích 157,25 m², với chiều sâu 9,25m, chiều rộng 17m.

3. Án phí hành chính phúc thẩm bà Phan Thị H phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai thu số 9181 ngày 03/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (bà H đã nộp đủ).

Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Cường